

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp vận hành đập, hồ chứa trên các sông, suối liên tỉnh thuộc lưu vực sông Đà (địa bàn các tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng; Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các sông, suối liên tỉnh thuộc lưu vực sông Mã, sông Đà;

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 9306/BNMT-ĐĐ ngày 14/8/2026), Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (Văn bản số 5943/UBND-KT ngày 09/7/2026 và Văn bản tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy chế phối hợp vận hành trên lưu vực sông Đà), Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu (Văn bản số 5562/SNNMT-TL&TNN, ngày 07/8/2026), Sở Công Thương tỉnh Sơn La (Văn bản số 2126/SCT-QLCN ngày 09/8/2026) và ý kiến của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ đập, hồ chứa có liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 976/TTr-SNNMT ngày 19/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp vận hành đập, hồ chứa trên các sông, suối liên tỉnh thuộc lưu vực sông Đà (*địa bàn các tỉnh: Sơn La, Điện Biên và Lai Châu*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan; các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành đập, hồ chứa trên lưu vực sông Đà và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phối hợp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chủ đập trên địa bàn tổ chức thực hiện Quy chế./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu (p/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Phú.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công



QUY CHẾ

Phối hợp vận hành đập, hồ chứa trên các sông, suối liên tỉnh thuộc lưu vực sông Đà (địa bàn tỉnh Sơn La, tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2163 /QĐ-UBND ngày 25 /8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp trong vận hành; cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu; cảnh báo, thông báo và xử lý các tình huống giữa các đập, hồ chứa trên các sông, suối liên tỉnh thuộc lưu vực sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La, tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu, nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn vùng hạ du, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước và bảo vệ môi trường.

2. Quy chế áp dụng đối với 59 đập, hồ chứa thuộc Danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt (Phụ lục I kèm theo), được phân thành 02 nhóm: a) Nhóm phải xây dựng quy chế phối hợp điều phối vận hành (Nhóm I) - 18 công trình có quan hệ vận hành bậc thang, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn vùng hạ du trên địa bàn tỉnh Sơn La, gồm bậc thang suối Chiến - Nậm Chiến và suối Sập (địa bàn tỉnh Sơn La) và bậc thang suối Nậm Mu liên tỉnh (địa bàn tỉnh Lai Châu); do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chủ trì điều phối vận hành. b) Nhóm phối hợp chia sẻ thông tin, cảnh báo (Nhóm II) - 41 công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên (bậc thang suối Nậm Mực, Nậm Pay, Nậm Chim) và tỉnh Lai Châu, ở thượng lưu, chủ yếu thực hiện chế độ chia sẻ thông tin vận hành, số liệu khí tượng thủy văn và cảnh báo xả lũ. Quy chế này áp dụng đối với các đập, hồ chứa đang vận hành, khai thác. Đối với các đập, hồ chứa đang thi công hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc Danh mục: trong giai đoạn thi công thực hiện các nội dung phối hợp về cung cấp, chia sẻ thông tin, cảnh báo và bảo đảm an toàn công trình, an toàn vùng hạ du theo Quy chế; các nội dung phối hợp vận hành được thực hiện đầy đủ và được rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào Quy chế ngay sau khi công trình đi vào vận hành, khai thác, bảo đảm thống nhất với Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Đối với các đập, hồ chứa trên dòng chính sông Đà và suối Nậm Mu đã được điều tiết, vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 (các hồ Lai Châu, Sơn La, Bản Chát, Huội Quảng...) thì việc phối hợp

vận hành thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa; Quy chế này quy định các nội dung phối hợp không trái với quy trình đó. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, an toàn đập, hồ chứa nước, phòng, chống thiên tai và khí tượng thủy văn. Đối với công trình bậc dưới của các công trình trong quy trình này và vùng hạ du thuộc địa bàn tỉnh khác, các chủ đập và cơ quan đầu mối có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin, phối hợp vận hành bảo đảm an toàn hạ du.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, khai thác đập, hồ chứa quy định tại khoản 2 Điều 1; các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa và phòng, chống thiên tai trên lưu vực sông Đà thuộc địa bàn các tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chủ đập, hồ chứa” là tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu, quản lý, khai thác đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật.
2. “Cụm bậc thang” là nhóm các đập, hồ chứa bố trí kế tiếp nhau trên cùng một sông, suối, trong đó việc vận hành của công trình phía trên có ảnh hưởng trực tiếp đến công trình phía dưới và vùng hạ du.
3. “Hồ bậc trên”, “hồ bậc dưới” là các hồ chứa liên kề trên cùng một cụm bậc thang xét theo chiều dòng chảy.
4. “Vận hành mùa lũ”, “vận hành mùa kiệt”, “mức nước dâng bình thường (MNDBT)”, “mức nước chết (MNC)”, “dòng chảy tối thiểu” được hiểu theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
5. “Vùng hạ du đập” là vùng bị ngập lụt phía sau đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc khi đập, công trình xả bị sự cố, được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
6. “Tình huống khẩn cấp” là trường hợp mưa, lũ vượt tần suất thiết kế; động đất vượt tiêu chuẩn thiết kế; đập, công trình xả lũ xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; hoặc các tình huống bất thường khác đe dọa đến an toàn đập, hồ chứa và an toàn vùng hạ du.
7. “Thời gian truyền lũ” là khoảng thời gian dòng nước, dòng lũ di chuyển từ tuyến công trình bậc trên đến tuyến công trình bậc dưới liên kề hoặc đến khu dân cư, công trình xung yếu vùng hạ du.
8. “Lũ nhân tạo đột ngột, bất thường” là hiện tượng gia tăng nhanh, lớn về lưu lượng, mực nước ở hạ du do vận hành xả nước, xả lũ không tuân thủ quy trình, không cảnh báo hoặc cảnh báo không kịp thời.

9. “Lưu lượng lũ đến tự nhiên” là lưu lượng nước đến tuyến công trình hoặc đến vị trí xác định trên sông, suối trong điều kiện không có sự điều tiết của hồ chứa; được xác định bằng phương pháp tính toán, diễn toán thủy văn, thủy lực trên cơ sở số liệu mưa, số liệu quan trắc mực nước, lưu lượng thực đo, đặc trưng lưu vực và theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp vận hành

1. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng ban hành tại Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tuân thủ quy trình vận hành của từng hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan. Các đập, hồ chứa thuộc Danh mục phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành là các công trình không thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa.

2. Bảo đảm thứ tự ưu tiên: an toàn tính mạng con người và an toàn công trình; phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại cho vùng hạ du; bảo đảm dòng chảy tối thiểu và ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu ở hạ du; nâng cao hiệu quả phát điện và tối ưu hóa các lợi ích về kinh tế - xã hội, môi trường do nguồn nước mang lại theo quy định tại Điều 35 Luật Tài nguyên nước và Điều 54 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

3. Việc vận hành công trình bậc trên phải xét đến khả năng tiếp nhận, an toàn của công trình bậc dưới và vùng hạ du; không gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường đe dọa đến tính mạng, tài sản của Nhân dân vùng hạ du.

4. Cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu kịp thời, đầy đủ, chính xác giữa các chủ đập, giữa các tỉnh và với cơ quan quản lý nhà nước; ưu tiên ứng dụng hệ thống quan trắc, giám sát trực tuyến và kết nối với hệ thống hỗ trợ ra quyết định, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước.

5. Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thống nhất; phân định rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (*tỉnh ở hạ du nguồn nước liên tỉnh, chủ trì*) và Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu; chấp hành nghiêm lệnh vận hành của người, cơ quan có thẩm quyền trong tình huống thiên tai, sự cố.

6. Chủ động phòng ngừa: khi cơ quan khí tượng thủy văn ban hành bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ lớn có khả năng ảnh hưởng đến lưu vực, các chủ đập, hồ chứa, đơn vị quản lý vận hành và cơ quan, cá nhân có thẩm quyền liên quan chủ động vận hành hạ dần mực nước, tăng dung tích đón lũ theo quy trình được duyệt để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du.

7. Trong tình huống thiên tai, sự cố vượt quá khả năng ứng phó của một tỉnh hoặc khi việc vận hành liên quan đến địa bàn nhiều tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chủ trì điều phối. Trường hợp dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mức nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng

đến an toàn đập, hồ chứa nước, công trình đê điều hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, công trình đê điều và dân cư. Bảo đảm thông tin, liên lạc thông suốt 24/24 giờ và có phương thức liên lạc dự phòng khi mất điện, mất kết nối.

8. Khi dự báo, cảnh báo có mưa, lũ lớn, đặc biệt lớn trên lưu vực, các hồ chứa ưu tiên dành dung tích hữu ích để cắt, giảm lũ cho vùng hạ du theo lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm đồng bộ với Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng.

9. Phối hợp vận hành hai chiều: việc vận hành phải được phối hợp đồng thời giữa các hồ chứa bậc thang trên và các hồ chứa bậc thang dưới. Hồ chứa bậc trên căn cứ mực nước, khả năng tiếp nhận của các hồ chứa bậc dưới và mực nước vùng hạ du để quyết định thời điểm, lưu lượng, chế độ xả; không xả đồng loạt gây lũ chồng lũ cho các hồ bậc thang dưới. Các hồ chứa ưu tiên dành dung tích hữu ích để cắt, giảm lũ cho hạ du theo chỉ đạo tại Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư và quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh chỉ huy, chỉ đạo việc phối hợp vận hành theo thẩm quyền.

Chương II **PHỐI HỢP VẬN HÀNH TRONG MÙA LŨ**

Điều 5. Thời kỳ mùa lũ và chế độ vận hành

1. Mùa lũ trên lưu vực sông Đà (thuộc hệ thống sông Hồng) từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10 hằng năm theo quy định tại khoản 27 Điều 5 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian vận hành mùa lũ của từng hồ chứa thực hiện theo quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối với các hồ chứa thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng thì thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ (thời gian vận hành mùa lũ từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9) và thời kỳ chuyển tiếp, tích nước từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 31 tháng 10 theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong mùa lũ, các hồ chứa phải vận hành bảo đảm an toàn công trình và tham gia cắt, giảm, làm chậm lũ cho hạ du theo nhiệm vụ được giao; duy trì mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trước lũ (nếu có quy định) và sẵn sàng dung tích phòng lũ.

Điều 6. Phối hợp vận hành đón lũ, xả lũ theo cụm bậc thang

1. Trước khi vận hành mở cửa xả lũ đầu tiên hoặc thay đổi lưu lượng xả gây gia tăng đột ngột dòng chảy về hạ du, chủ đập bậc trên phải thông báo cho chủ đập bậc dưới liền kề, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du. Thời gian thông báo trước phải bảo đảm đủ để triển khai phương án bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, tối thiểu bằng thời gian truyền lũ giữa các bậc thang xác định tại Phụ lục II và không ít hơn 04 giờ trước thời điểm bắt đầu vận hành; trường hợp quy trình vận hành hồ chứa được duyệt quy định thời gian thông báo dài hơn thì thực hiện theo quy trình đó. Trong tình huống khẩn cấp phải thông báo ngay bằng phương thức nhanh nhất, đồng thời kích hoạt hệ thống cảnh báo vùng hạ du và báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chưa có số liệu chính thức về cự ly theo dòng chảy và thời gian truyền lũ tại Phụ lục II, việc thông báo, cảnh báo thực hiện theo quy trình vận hành hồ chứa, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp vận hành hai chiều giữa các bậc thang: chủ đập bậc dưới căn cứ thông tin lưu lượng đến hồ do bậc trên cung cấp và bản tin dự báo khí tượng thủy văn để chủ động điều chỉnh vận hành, bảo đảm an toàn công trình và phối hợp cắt, giảm lũ; kịp thời phản hồi cho chủ đập bậc trên về mực nước hồ, khả năng tiếp nhận và các tình huống bất thường. Chủ đập bậc trên phải căn cứ mực nước vùng hạ du và mực nước, khả năng tiếp nhận của các hồ chứa bậc thang dưới để quyết định thời điểm, lưu lượng, chế độ xả, tránh gây lũ chồng lũ cho các hồ bậc thang dưới. Trường Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh quyết định việc phối hợp vận hành giữa các hồ chứa trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 13 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; trường hợp việc phối hợp vận hành liên quan đến các hồ chứa trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên thì Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh hiệp thương, thống nhất quyết định và Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chủ trì điều phối; trường hợp không thống nhất được hoặc vượt quá thẩm quyền thì kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo.

3. Các đập, hồ chứa trên cùng cụm bậc thang phối hợp vận hành để tránh chồng lũ, dồn lũ; ưu tiên vận hành điều tiết bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du không lớn hơn lưu lượng lũ đến tự nhiên (xác định theo khoản 9 Điều 3 Quy chế này), trừ trường hợp phải bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện lệnh vận hành của người, cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường hợp xảy ra sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn đập, hồ chứa, chủ đập phải vận hành theo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt, đồng thời báo cáo ngay Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo cho các chủ đập, Nhân dân vùng hạ du để ứng phó.

5. Khi dự báo, cảnh báo lũ lớn, lũ vượt tần suất thiết kế hoặc xuất hiện mưa, lũ đặc biệt lớn: các chủ đập, hồ chứa, đơn vị quản lý vận hành và cơ quan, cá nhân có thẩm quyền liên quan trong cụm bậc thang phối hợp vận hành hạ thấp mực nước, dành tối đa dung tích cắt, giảm lũ; việc sử dụng dung tích từ

mực nước dâng bình thường trở lên để chống lũ cho hạ du thực hiện theo lệnh của người có thẩm quyền.

6. Đối với các công trình thuộc Nhóm II, chủ đập thực hiện chia sẻ thông tin vận hành, cảnh báo xả lũ, sự cố cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh sở tại (Điện Biên, Lai Châu) để phục vụ giám sát, cảnh báo an toàn hạ du.

Điều 7. Quan trắc, dự báo và cảnh báo trong mùa lũ

1. Các hồ chứa phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, quan trắc mực nước, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả theo quy định. Việc quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến và truyền số liệu về cơ quan quản lý nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 89 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ); theo đó công trình hồ chứa để phát điện phải thực hiện quan trắc tự động để giám sát trực tuyến đối với mực nước hồ, lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có), lưu lượng xả qua nhà máy; thực hiện quan trắc hoặc tính toán định kỳ đối với lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng đến hồ và lắp đặt camera giám sát theo quy định.

2. Chủ đập có trách nhiệm lắp đặt, duy trì hệ thống cảnh báo (còi, loa, biển báo, tín hiệu) ở khu vực hạ lưu đập và những vị trí xung yếu để cảnh báo khi vận hành xả lũ, xả nước phát điện.

Chương III PHỐI HỢP VẬN HÀNH TRONG MÙA KIẾT

Điều 8. Thời kỳ mùa kiệt và nguyên tắc vận hành

1. Thời kỳ mùa kiệt trên lưu vực sông Đà được xác định từ ngày 01 tháng 11 năm trước đến ngày 14 tháng 6 năm sau, tiếp theo thời kỳ mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này. Trường hợp Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng (Quyết định số 740/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 922/QĐ-TTg) hoặc quy trình vận hành hồ chứa được duyệt quy định khác thì thực hiện theo quy trình đó.

2. Trong mùa kiệt, các hồ chứa vận hành bảo đảm dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập theo giá trị ghi trong giấy phép khai thác tài nguyên nước, quy trình vận hành được duyệt; phối hợp điều tiết để bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu ở hạ du.

Điều 9. Phối hợp điều tiết cấp nước, bảo đảm dòng chảy tối thiểu

1. Chủ đập bậc trên vận hành xả nước bảo đảm dòng chảy liên tục, không gây gián đoạn cấp nước cho công trình bậc dưới và vùng hạ du; thông báo kịp thời cho bậc dưới khi giảm hoặc ngừng phát điện làm thay đổi chế độ dòng chảy.

2. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, các chủ đập phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị khai thác công trình thủy lợi xây dựng, thực hiện kế hoạch điều tiết, xả nước phục vụ chống hạn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp nguồn nước không bảo đảm, việc điều hòa, phân phối nguồn nước thực hiện theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông và chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu.

4. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng: việc vận hành, điều tiết thực hiện theo kịch bản nguồn nước và phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông; bảo đảm tuyệt đối thứ tự ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu; các hồ chứa phối hợp xả nước theo lịch thống nhất, tránh xả phân tán gây lãng phí nguồn nước.

5. Đối với hồ chứa thủy điện vận hành theo huy động của hệ thống điện: chủ đập phối hợp với đơn vị điều độ hệ thống điện và cơ quan quản lý nhà nước bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu liên tục ở hạ lưu đập, không gây dao động dòng chảy đột ngột, không gián đoạn cấp nước cho hạ du kể cả trong thời gian ngừng hoặc giảm phát điện.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CUNG CẤP, CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 10. Cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin quản lý, vận hành

1. Thông tin thường xuyên: thông số kỹ thuật cơ bản của hồ chứa; mực nước thượng, hạ lưu; lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua tràn và qua nhà máy; tình hình vận hành cửa van; số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.

2. Thông tin trong tình huống mưa, lũ, sự cố: dự kiến thời điểm, lưu lượng, chế độ vận hành xả lũ; diễn biến, nguy cơ mất an toàn công trình; các tình huống bất thường khác.

3. Phương thức cung cấp: qua hệ thống giám sát vận hành trực tuyến, văn bản, thư điện tử, điện thoại, ứng dụng nhắn tin và các phương thức phù hợp khác; trong tình huống khẩn cấp ưu tiên phương thức nhanh nhất, đồng thời gửi văn bản xác nhận sau.

4. Đối tượng tiếp nhận thông tin: thông tin, số liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được chủ đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện cung cấp, chia sẻ cho các chủ đập, hồ chứa trong cùng cụm bậc thang; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh của các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu; Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du và các cơ quan, tổ chức khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Thông tin cảnh báo xả lũ, xả nước, sự cố phải được truyền trực tiếp đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố vùng hạ

du bằng hình thức phù hợp (tin nhắn SMS, Zalo, điện thoại, loa truyền thanh, hệ thống cảnh báo tại hiện trường) để kịp thời thông báo đến Nhân dân.

5. Phương thức dự phòng: trường hợp mất kết nối hệ thống giám sát trực tuyến, mất điện hoặc gián đoạn thông tin liên lạc, các bên chủ động sử dụng phương thức liên lạc dự phòng (điện thoại, bộ đàm, liên lạc trực tiếp) để duy trì việc cung cấp, chia sẻ thông tin; định kỳ kiểm tra khả năng thông tin, liên lạc trước và trong mùa lũ; đầu mối của các chủ đập, các tỉnh và chủ hồ bậc dưới thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa (nếu có) được cập nhật, chia sẻ đầy đủ.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La là đầu mối chủ trì xây dựng, kết nối và quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung về vận hành các đập, hồ chứa phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, chia sẻ thông tin vận hành và bảo đảm an toàn vùng hạ du; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh Điện Biên, Lai Châu là đầu mối phối hợp trên địa bàn. Các chủ đập cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin theo biểu mẫu thống nhất tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này và kết nối dữ liệu quan trắc, giám sát vận hành về cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ: trước mùa lũ (*báo cáo phương án, sẵn sàng vận hành*) và sau mùa lũ (*báo cáo tổng kết công tác vận hành*) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo quy định (*Sở Công Thương đối với đập, hồ chứa thủy điện; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với đập, hồ chứa thủy lợi*). Báo cáo trước mùa lũ gửi chậm nhất ngày 31 tháng 5, báo cáo sau mùa lũ gửi chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Báo cáo khi vận hành: chủ đập báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Công Thương (*đối với đập, hồ chứa thủy điện*) trong vòng 02 giờ kể từ khi ra quyết định vận hành xả lũ hoặc khi có tình huống bất thường.

3. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra sự cố công trình, sự cố vận hành, tai nạn vùng hạ du do xả lũ, xả nước; báo cáo ngay bằng phương thức nhanh nhất và hoàn thiện báo cáo bằng văn bản gửi Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 12. Đầu mối phối hợp và trao đổi thông tin liên tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La là đầu mối chủ trì; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh Điện Biên, Lai Châu là đầu mối phối hợp trong việc trao đổi thông tin, số liệu vận hành giữa các tỉnh.

2. Mỗi chủ đập cử đầu mối (họ tên, chức vụ, số điện thoại, thư điện tử) thường trực 24/24 giờ trong mùa lũ; danh sách đầu mối được cập nhật, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh và các chủ đập trong cùng cụm bậc thang trước ngày 15 tháng 5 hằng năm.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La chủ trì lập, cập nhật và phát hành danh bạ đầu mối liên lạc (họ tên, chức vụ, số điện thoại, thư điện tử) của

các cơ quan, đơn vị, chủ đập, hồ chứa trên địa bàn 03 tỉnh theo Mẫu số 04 Phụ lục III; gửi các sở, ngành, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và các chủ đập trước ngày 01 tháng 6 hằng năm để bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, kịp thời trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành xả lũ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 13. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện; chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và các sở, ngành tổ chức ứng phó khi có lũ, sự cố; quyết định việc vận hành trong tình huống khẩn cấp theo thẩm quyền; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc vận hành, phối hợp vận hành và cung cấp thông tin phục vụ quản lý vận hành các đập, hồ chứa nước trên bậc thang sông, suối thuộc phạm vi Quy chế.

3. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai, an toàn đập, hồ chứa nước đến Nhân dân vùng hạ du; chỉ đạo lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo thẩm quyền.

4. Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu tổ chức diễn tập và ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai, sự cố đập, hồ chứa nước ảnh hưởng đến địa bàn từ 02 tỉnh trở lên; kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi vượt quá khả năng ứng phó của các tỉnh.

Điều 14. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tổ chức thực hiện Quy chế; chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ đập trên địa bàn cung cấp, chia sẻ thông tin, cảnh báo, chấp hành chế độ phối hợp vận hành, báo cáo và tham gia ứng phó thiên tai, sự cố theo Quy chế; đối với các cụm bậc thang thuộc Nhóm II trên địa bàn, mỗi tỉnh chủ trì điều phối vận hành nội tỉnh theo quy chế phối hợp vận hành của tỉnh mình.

2. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ huy, kiểm tra, giám sát việc vận hành, phối hợp vận hành các đập, hồ chứa nước trên bậc thang sông, suối thuộc địa bàn; chỉ đạo các chủ đập cung cấp kịp thời thông tin vận hành, số liệu quan trắc cho Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh và các chủ đập bậc dưới liên kề.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai, an toàn đập, hồ chứa nước đến Nhân dân trong vùng; phối hợp diễn tập và tổ chức ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai, sự cố ảnh hưởng đến địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.

Điều 15. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Là cơ quan thường trực, đầu mối tổng hợp; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu vận hành, số liệu khí tượng thủy văn của các hồ chứa.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra an toàn đập, hồ chứa, việc tuân thủ quy trình vận hành và dòng chảy tối thiểu; tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm; định kỳ rà soát, đề xuất điều chỉnh Danh mục và sửa đổi, bổ sung Quy chế.

3. Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy chế này đến các chủ đập, hồ chứa thủy lợi; hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chế độ phối hợp vận hành, cung cấp thông tin, báo cáo theo Quy chế.

Điều 16. Sở Công Thương

1. Phối hợp kiểm tra việc tuân thủ quy trình vận hành của các nhà máy thủy điện; chỉ đạo các chủ đập thủy điện bảo đảm an toàn trong vận hành, phát điện; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy chế này đến các chủ đập, hồ chứa thủy điện; chỉ đạo các chủ đập thủy điện thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo theo Quy chế.

3. Rà soát, cung cấp thông tin về quy trình vận hành hồ chứa của các dự án thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh; kịp thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 17. Sở Tài chính

Tham mưu bố trí kinh phí cho công tác giám sát, vận hành hệ thống thông tin, quan trắc và phòng, chống thiên tai liên quan đến thực hiện Quy chế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 18. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Tiếp nhận thông tin, chỉ đạo, điều hành công tác ứng phó thiên tai, sự cố; quyết định và truyền đạt lệnh vận hành trong tình huống khẩn cấp; tổ chức cảnh báo, sơ tán, ứng cứu vùng hạ du khi cần thiết. Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh quyết định việc phối hợp vận hành giữa các hồ chứa trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 13 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và

khoản 2 Điều 6 Quy chế này; phối hợp với Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu trong các tình huống liên quan đến địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.

Điều 19. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

Cung cấp kịp thời bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thông tin mưa, lũ trên lưu vực sông Đà cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 20. Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du

Tiếp nhận thông tin cảnh báo xả lũ, xả nước; tổ chức thông báo đến Nhân dân; chủ động sơ tán, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản; phối hợp xử lý các tình huống thiên tai, sự cố trên địa bàn.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đập, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành đập, hồ chứa

1. Vận hành đúng quy trình được duyệt và Quy chế này; lắp đặt, duy trì hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và truyền số liệu theo quy định; bố trí đầu mối trực 24/24 giờ trong mùa lũ.

2. Cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác cho các chủ đập trong cùng cụm bậc thang, cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương; thông báo, cảnh báo cho Nhân dân vùng hạ du trước khi xả lũ, xả nước.

3. Lập, phê duyệt và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp và tổ chức thực hiện theo quy định; phối hợp diễn tập, ứng cứu, khắc phục sự cố.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vận hành sai quy trình, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ thông tin, cảnh báo gây mất an toàn công trình hoặc thiệt hại cho vùng hạ du; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các đập, hồ chứa đang thi công hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung phối hợp phù hợp với giai đoạn thi công và bổ sung đầy đủ vào việc phối hợp vận hành ngay khi công trình đưa vào vận hành, khai thác. Chủ đầu tư công trình đang thi công phải bảo đảm an toàn dẫn dòng thi công, có phương án vượt lũ thi công được phê duyệt; thông báo trước cho chủ đập liên kề, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và Nhân dân vùng hạ du trước khi xả nước, tháo nước hồ móng, đê quai; không tích nước khi chưa đủ điều kiện an toàn theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật; người ra lệnh hoặc trực tiếp vận hành sai quy trình gây sự cố, thiệt hại phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đập không tuân thủ Quy chế, cơ quan có thẩm quyền xem xét đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tài nguyên nước; thủy lợi; phòng, chống thiên tai và khí tượng thủy văn.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc khi có quy định pháp luật mới, có sự thay đổi về Danh mục đập, hồ chứa hoặc quy trình vận hành liên hồ chứa, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu, các sở, ngành, chủ đập tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xem xét, lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, mọi phản ánh, kiến nghị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I
DANH MỤC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA CÁC ĐẬP, HỒ CHỨA
THUỘC PHẠM VI PHỐI HỢP VẬN HÀNH TRÊN LƯU VỰC SÔNG ĐÀ (59 CÔNG TRÌNH)
(Kèm theo Quy chế ban hành theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Tên công trình	Sông, suối	Tỉnh	Địa điểm (xã)	CS (MW)	Wtb (10 ⁶ m ³)	MNDBT (m)	MNC (m)	MNLTK (m)	MNLKT (m)	Tình trạng	Chủ đầu tư / đơn vị QL VH
NHÓM I - CÁC ĐẬP, HỒ CHỨA PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP ĐIỀU PHỐI VẬN HÀNH (do UBND tỉnh Sơn La chủ trì)												
Cụm I - Bậc thang trên suối Chiến - Nậm Chiến (địa bàn tỉnh Sơn La) (08 công trình)												
1	Nậm Khót	Suối Nậm Khót	Sơn La	Ngọc Chiến	11	0,372	1128	1124,5	1132,07	1133,06	Đã vận hành	Công ty cổ phần thủy điện Nậm Khót
2	Ngọc Chiến	suối Nậm Nghệp và phụ lưu	Sơn La	Ngọc Chiến	12	1,132	1480	1470	1482,57	1483,2	Đã vận hành	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tiến Anh
3	Suối Chiến	suối Nậm Nghệp	Sơn La	Ngọc Chiến	5	0,75	1070	1068	1073,93	1074,46	Đang thi công	Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Yên Bái
4	Nậm Chiến	Suối Chiến	Sơn La	Ngọc Chiến, Mường	200	154,75	945	906	949,92	950,73	Đã vận hành	Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến
5	Chiềng Muôn	Suối Kim, suối Chiến và suối Huổi Mong	Sơn La	Mường La	13,2	0,415	565	555	567,61	568,28	Đã vận hành	Công ty cổ phần năng lượng DTK
6	Nậm Chiến 2	Suối Chiến	Sơn La	Mường La	32	3,7	272	267	272,6	274,6	Đã vận hành	Công ty cổ phần phát triển điện Nậm Chiến
7	Nậm Chiến 3	Suối Chiến	Sơn La		3,1	0,013	181	178,5	187,05	187,6	Đã vận hành	
8	Pá Chiến	Suối Chiến	Sơn La	Mường La	22	0,055	170	169,5	174,04	174,5	Đã vận hành	Công ty cổ phần thủy điện Pá Chiến
Cụm II - Bậc thang trên suối Sập (địa bàn tỉnh Sơn La) (08 công trình)												
9	Háng Đồng A	Suối Háng Đồng	Sơn La	Tà Xùa	16	0,938	1390	1360	1393,85	1394,67	Đã vận hành	Công ty CP Tập đoàn Xuân Thiện
10	Háng Đồng A1	Suối Háng Đồng và suối Bẹ	Sơn La	Tà Xùa	8,4	0,196	710	710	712,93	713,59	Đã vận hành	Công ty TNHH Xuân Thiện Sơn La
11	Háng Đồng B	Suối Bé	Sơn La	Suối Tọ	28	41,332	750	720	750	751,24	Đang thi công	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình
12	Suối Sập 1	Suối Sập	Sơn La	Tà Xùa	19,5	12,091	560	552	565,06	567,41	Đã vận hành	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình
13	Suối Sập 2	Suối Sập	Sơn La	Suối Tọ	14,4	0	447,5	446	455,24	456,32	Đã vận hành	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành
14	Suối Sập 2A	Suối Sập	Sơn La	Bắc Yên	49,6	12,091	560	552	565,06	567,41	Đã vận hành	Công ty TNHH Xuân Thiện Sơn La
15	Suối Sập 3	Suối Sập	Sơn La	Gia Phù	14	3,269	256	254,97	260,30	261,21	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh
16	Hồng Ngải	Suối Sập	Sơn La	Bắc Yên, Gia Phù	10	0,082	169,6	167	172,5	173,36	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Noong Phai
Cụm III - Bậc thang trên suối Nậm Mu liên tỉnh (địa bàn tỉnh Lai Châu) (02 công trình)												
17	Phiêng Lú	Nậm Mu	Lai Châu	Tân Uyên, Mường	20	5,358	496	494,83	495,72	497,8	Đã vận hành	Công ty Cổ phần thủy điện Phiêng Lú

TT	Tên công trình	Sông, suối	Tỉnh	Địa điểm (xã)	CS (MW)	Wtb (10 ⁶ m ³)	MNDBT (m)	MNC (m)	MNLTK (m)	MNLKT (m)	Tình trạng	Chủ đầu tư / đơn vị QL VH
				Khoa								
18	Nà An	Nậm Mu	Lai Châu	Mường Khoa, Bản Bo	14	1,988	536,0	534,0	537,0	538,0	Đang thi công	Công ty Cổ phần thủy điện Nà An
NHÓM II - CÁC ĐẬP, HỒ CHỨA PHỐI HỢP CHIA SẼ THÔNG TIN, CẢNH BÁO												
Cụm IV - Bậc thang trên suối Nậm Mực (địa bàn tỉnh Điện Biên) (07 công trình)												
19	Huổi Chan 1	Nậm Mực	Điện Biên	Mường Pồn	15	2,7	392	388	392	395,26	Đã vận hành	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6
20	Huổi Vang	Nậm Mực	Điện Biên	Mường Pồn	11	3,936	371,3	370,5	371,47	374,53	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi
21	Long Tạo	Nậm Mực	Điện Biên	Mường Mùn, Nậm Nền, Na Sang	44	18,53	345	343,5	345	345,06	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện Long Tạo Điện Biên
22	Nậm Mực	Nậm Mực	Điện Biên	Mường Mùn, Nậm Nền	44	29,53	300	298,5	300	303,17	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện Nậm Mực
23	Nậm Mực 2	Nậm Mực	Điện Biên	Nậm Nền, Tủa Chùa, Mường Mùn	11	1,565	248,5	247,5	250,1	253,85	Đang thi công	Công ty CP đầu tư thủy điện Nậm Mực 2
24	Đề Bâu	Nậm Mực	Điện Biên	Sính Phình	6	0,0438	330	328	332,31	332,79	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Trường Thịnh
25	Trung Thu	Nậm Mực	Điện Biên	Phường Mường Lay và các xã: Pa Ham, Sính Phình, Nậm Nền	30	30,7	240	239	245,75	251,82	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện Trung Thu
Cụm V - Bậc thang trên suối Nậm Pay - Nậm Mu (địa bàn tỉnh Điện Biên) (03 công trình)												
26	Nậm Pay	Suối Nậm Pay	Điện Biên	Tủa Chùa	7,5	0,135	580	576,8	584,08	584,99	Đã vận hành	Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Điện Biên)
27	Mùn Chung 2	Suối Nậm Pay	Điện Biên	Mường Mùn	9	4,31	330	328	330,60	333,68	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện SODIC Điện Biên
28	Nậm Mu 2	Suối Nậm Pay	Điện Biên	Mường Mùn	10,2	3,762	296	293,5	296,64	299,58	Đã vận hành	Công ty CP thủy điện SODIC Nậm Mu 2
Cụm VI - Bậc thang trên suối Nậm Chim (địa bàn tỉnh Điện Biên) (04 công trình)												
29	Hồ chứa nước Si Pa Phìn (thủy lợi)	Suối Nậm Chim	Điện Biên	Si Pa Phìn	-	16,674	1070	1035	1071,91	1072,45	Đang thi công	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6
30	Phi Lĩnh	Suối Nậm Chim	Điện Biên	Si Pa Phìn, Na Sang	18	0,096	918	915	919,7	919,91	Đã vận hành	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6
31	Ma Thi Hồ	Suối Nậm Chim	Điện Biên	Na Sang	11	0,128	665	660	668,98	669,36	Đang thi công	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6
32	Mường Mươn	Suối Nậm Chim	Điện Biên	Na Sang	22	1,608	552	550	554,84	555,78	Đã vận hành	Công ty CP năng lượng Điện Biên - Sông Hồng
Các đập, hồ chứa chia sẻ thông tin trên địa bàn tỉnh Lai Châu (27 công trình)												
33	Nậm Lụng	Nậm Lụng	Lai Châu	Khổng Lào	9	0,13	385	383	387	387,5	Đã vận hành	Công ty TNHH đầu tư năng lượng Trường Thành
34	Nậm Mờ 3	Nậm Mờ	Lai Châu	Khoen On	10	0,299	477	473,5	481,04	481,64	Đã vận hành	Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mờ
35	Nậm Na 2	Nậm Na	Lai Châu	Hồng Thu, Phong	66	12,38	263,4	260,4	263,4	264,4	Đã vận hành	Công ty Cổ phần năng lượng Nậm Na 2

TT	Tên công trình	Sông, suối	Tỉnh	Địa điểm (xã)	CS (MW)	Wtb (10 ⁶ m ³)	MNDBT (m)	MNC (m)	MNLTK (m)	MNLKT (m)	Tình trạng	Chủ đầu tư / đơn vị QLVH
				Thổ								
36	Nậm Na 3	Nậm Na	Lai Châu	Lê Lợi, Sin Hồ, Pa Tần	84	34,25	235,9	232,9	235,9	238,02	Đã vận hành	Công ty Cổ phần năng lượng Nậm Na 3
37	Nậm Cầu 2	Nậm Cầu	Lai Châu	Bum Tở	10	0,029	400	398	405,8	407,7	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi Măng Miền Bắc
38	Nậm Na 1	Nậm Na	Lai Châu	Phong Thổ	30	2,08	278	276	279,65	282,61	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc
39	Mường Kim II	Nậm Kim	Lai Châu	Mường Kim	12	0,057	482	482	487,41	488,21	Đã vận hành	Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên
40	Nậm Ban 3	Nậm Ban	Lai Châu	Pa Tần	22	0,29	406	404	410,79	411,24	Đã vận hành	Công ty TNHH đầu tư phát triển điện Nậm Ban 3
41	Nậm Si Lường 4	Nậm Si Lường	Lai Châu	Bum Tở, Bum Nưa	25,1	0,98	413	403	414,35	415	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Sông Đà 705
42	Nậm Bùm 2	Nậm Bùm	Lai Châu	Hua Bum, Bum Nưa	28	0,443	537,75	533	538,66	539,27	Đã vận hành	Công ty Cổ phần EHULA
43	Nậm Si Lường 3	Nậm Si Lường	Lai Châu	Bum Tở, Bum Nưa	25,4	0,96	510	500	511,58	512	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Sông Đà 705
44	Nậm Pác 1A	Nậm Pác	Lai Châu	Sin Suối Hồ	6,2	0,019	Đập 1: 1319; Đập 2: 1318,8	đập1: 1319; đập 2: 1318,8	Đập 1: 1321,36; Đập 2: 1321,08	Đập 1: 1321,58; Đập 2: 1321,29	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Phát triển thủy điện 86
45	Pa Hạ	Pa Hạ	Lai Châu	Bum Nưa	28	3,147	1299	1260	1300,60	1301,04	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Thủy điện VN
46	Chu Va 2	Nậm Giê	Lai Châu	Bình Lư	12	65,700	875	875	877,51	877,8	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đại Long
47	Nậm Xe	Nậm Pác	Lai Châu	Sin Suối Hồ	20	0,906	540	537	541,99	544,3	Đã vận hành	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu
48	Nậm Cùm 3	Nậm Cùm	Lai Châu	Pa Ủ	48,5	2,276	620	617	626,11	627,62	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Phát triển điện Mường Tè
49	Mường Mít	Nậm Mít Luông	Lai Châu	Than Uyên, Mường Than	11	4,49	513,5	512	513,5	514,64	Đã vận hành	Công ty Cổ phần thủy điện Tân Uyên
50	Nậm Cuối	Nậm Cuối	Lai Châu	Lê Lợi	11	4,44	286	284	286,92	288,57	Đang thi công	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Cuối
51	Nậm Cầu 1	Nậm Cầu	Lai Châu	Bum Tở	13	0,64	523	517	528,62	530,5	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Kinh Doanh xi măng Miền Bắc
52	Nậm Cùm 2	Nậm Cùm	Lai Châu	Pa Ủ	24	0,787	750	746	751,95	754,58	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Phát triển điện M
53	Nậm Cùm 5	Nậm Cùm	Lai Châu	Pa Ủ	10	0,747	747	742	752,92	754,24	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Năng lượng Nậm Cùm 5
54	Nậm Mít Luông	Nậm Mít Luông	Lai Châu	Than Uyên, Mường Than	6,8	6,8	555	554	558,41	558,88	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Việt Phúc Lai Châu
55	Nậm Xí Lùng 2	Nậm Xí Lùng	Lai Châu	Bum Nưa	29	1,497	1010	1007	1014,06	1014,89	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Xí Lùng
56	Nậm Cùm 4	Nậm Cùm	Lai Châu	Mường Tè, Pa Ủ	56	5,6	457	456	457,5	460,71	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Cùm
57	Mường Kim 3	Nậm Kim	Lai Châu	Mường Kim	18,5	không có hồ chứa	Đập chính: 430.41; Đập phụ: 429.90	Đập chính: 430.41; Đập phụ: 429.90	Đập chính: 434.14; Đập phụ: 432.11	Đập chính: 434.67; Đập phụ: 432.41	Đã vận hành	Công ty TNHH Bình Minh Lai Châu
58	Vàng Ma Chải 2	Thên Thèo Hộ	Lai Châu	Đào San, Si	19	1,755	1000	997	1002,3	1002,64	Đã vận hành	Công ty Cổ phần đầu tư
59	Nậm Xí Lùng 2A	Nậm Xí Lùng	Lai Châu	Bum Nưa	29,65	0,245	840	836	844,86	845,58	Đã vận hành	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Xí Lùng

Phụ lục II

SƠ ĐỒ BẬC THANG VÀ BẢNG THỜI GIAN TRUYỀN LŨ

(Kèm theo Quy chế ban hành theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

Bảng thời gian truyền lũ giữa các bậc thang

TT	Đoạn truyền lũ (từ → đến)	Sông, suối	Cự ly theo dòng chảy L (km)	Thời gian truyền lũ dự kiến	Ghi chú
Cụm I - Bậc thang trên suối Chiến - Nậm Chiến (địa bàn tỉnh Sơn La)					
1	Nậm Khốt → Ngọc Chiến	Suối Nậm Khốt	...	...	
2	Ngọc Chiến → Suối Chiến	suối Nậm Nghep và phụ lưu	...	...	
3	Suối Chiến → Nậm Chiến	suối Nậm Nghep	...	...	
4	Nậm Chiến → Chiềng Muôn	Suối Chiến	...	...	
5	Chiềng Muôn → Nậm Chiến 2	Suối Kim, suối Chiến và suối Huổi Mong	...	...	
6	Nậm Chiến 2 → Nậm Chiến 3	Suối Chiến	...	...	
7	Nậm Chiến 3 → Pá Chiến	Suối Chiến	...	...	
8	Pá Chiến → điểm nhập dòng chính sông Đà	Suối Chiến	...	...	
Cụm II - Bậc thang trên suối Sập (địa bàn tỉnh Sơn La)					
9	Háng Đồng A → Háng Đồng A1	Suối Háng Đồng	...	...	
10	Háng Đồng A1 → Háng Đồng B	Suối Háng Đồng và suối Bẹ	...	...	
11	Háng Đồng B → Suối Sập 1	Suối Bé	...	...	
12	Suối Sập 1 → Suối Sập 2	Suối Sập	...	...	
13	Suối Sập 2 → Suối Sập 2A	Suối Sập	...	...	
14	Suối Sập 2A → Suối Sập 3	Suối Sập	...	...	
15	Suối Sập 3 → Hồng Ngải	Suối Sập	...	...	
16	Hồng Ngải → điểm nhập dòng chính sông Đà	Suối Sập	...	...	
Cụm III - Bậc thang trên suối Nậm Mu liên tỉnh (địa bàn tỉnh Lai Châu)					
17	Phiêng Lú → Nà An	Nậm Mu	...	...	
18	Nà An → điểm nhập dòng chính sông Đà	Nậm Mu	...	...	
Cụm IV - Bậc thang trên suối Nậm Múc (địa bàn tỉnh Điện Biên)					
19	Huổi Chan 1 → Huổi Vang	Nậm Múc	...	...	
20	Huổi Vang → Long Tạo	Nậm Múc	...	...	
21	Long Tạo → Nậm Múc	Nậm Múc	...	...	
22	Nậm Múc → Nậm Múc 2	Nậm Múc	...	...	
23	Nậm Múc 2 → Đề Bâu	Nậm Múc	...	...	
24	Đề Bâu → Trung Thu	Nậm Múc	...	...	
25	Trung Thu → điểm nhập dòng chính sông Đà	Nậm Múc	...	...	
Cụm V - Bậc thang trên suối Nậm Pay - Nậm Mu (địa bàn tỉnh Điện Biên)					
26	Nậm Pay → Mùn Chung 2	Suối Nậm Pay - Nậm Mu	...	...	
27	Mùn Chung 2 → Nậm Mu 2	Suối Nậm Pay - Nậm Mu	...	...	
28	Nậm Mu 2 → điểm nhập dòng chính sông Đà	Suối Nậm Pay - Nậm Mu	...	...	

TT	Đoạn truyền lũ (từ → đến)	Sông, suối	Cự ly theo dòng chảy L (km)	Thời gian truyền lũ dự kiến	Ghi chú
Cụm VI - Bậc thang trên suối Nậm Chim (địa bàn tỉnh Điện Biên)					
29	Hồ chứa nước Si Pa Phìn (thủy lợi) → Phi Lĩnh	Suối Nậm Chim	...	...	
30	Phi Lĩnh → Ma Thì Hồ	Suối Nậm Chim	...	...	
31	Ma Thì Hồ → Mường Mươn	Suối Nậm Chim	...	...	
32	Mường Mươn → điểm nhập dòng chính sông Đà	Suối Nậm Chim	...	...	

Ghi chú: Ký hiệu công trình theo số thứ tự tại Phụ lục I. Các đập, hồ chứa chia sẻ thông tin trên địa bàn tỉnh Lai Châu (27 công trình) xác định thời gian truyền lũ đến điểm nhập dòng chính sông Đà theo phương pháp tại mục 3, phục vụ cảnh báo hạ du. Sơ đồ và bảng được rà soát, cập nhật khi thay đổi Danh mục đập, hồ chứa hoặc quy trình vận hành.

Phương pháp xác định thời gian truyền lũ

1. Thời gian truyền lũ giữa hai vị trí trên sông, suối được xác định theo công thức $t = L/v$; trong đó L là chiều dài đoạn theo dòng chảy, v là tốc độ truyền sóng lũ trên đoạn.

2. Tốc độ truyền sóng lũ v được xác định bằng một trong các phương pháp: (i) mô hình diễn toán lũ (thủy lực/thủy văn) trên cơ sở mặt cắt, độ dốc, hệ số nhám lòng dẫn; (ii) tương quan số liệu quan trắc, thực đo mực nước, lưu lượng giữa các trạm và tuyến công trình; (iii) tham khảo sơ bộ đối với sông, suối miền núi dốc $v \approx 1,5-4,0$ m/s, cập nhật theo điều kiện thực tế từng đoạn.

3. Trị số cự ly L và thời gian truyền lũ t của từng đoạn do chủ đập, đơn vị tư vấn xác định từ hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành được duyệt và kết quả tính toán; gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, cập nhật trước ngày 31 tháng 5 hằng năm.

4. Khi ấn định thời gian thông báo, cảnh báo xả lũ theo khoản 1 Điều 6 của Quy chế, sử dụng trị số thời gian truyền lũ ngắn nhất (cận dưới) của đoạn để bảo đảm an toàn cho người và tài sản vùng hạ du.

Phụ lục III
BIỂU MẪU CUNG CẤP, CHIA SẺ, TRAO ĐỔI THÔNG TIN QUẢN LÝ, VẬN HÀNH
GIỮA CÁC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN CÁC SÔNG, SUỐI LIÊN TỈNH
(Kèm theo Quy chế ban hành theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/8/2026
của UBND tỉnh Sơn La)

Phụ lục này gồm 04 biểu mẫu áp dụng thống nhất cho việc cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin và báo cáo giữa các chủ đập, hồ chứa với các cơ quan, đơn vị theo Quy chế: Mẫu số 01 - Thông báo vận hành xả lũ, xả nước; Mẫu số 02 - Báo cáo thông tin vận hành; Mẫu số 03 - Báo cáo nhanh sự cố, tình huống khẩn cấp; Mẫu số 04 - Danh sách đầu mối liên lạc, trực ban 24/24 giờ trong mùa lũ.

Mẫu số 01

THÔNG BÁO VẬN HÀNH XẢ LŨ, XẢ NƯỚC
CHỦ ĐẬP/ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN HÀNH (.....) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:/TB-..... **....., ngày ... tháng ... năm**

THÔNG BÁO
Về việc vận hành xả lũ (xả nước) hồ chứa

Kính gửi: - Chủ đập, hồ chứa bậc dưới liên kế:;
 - Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân xã/phường vùng hạ du:;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương.

1. Tên công trình/hồ chứa; sông, suối:
2. Lý do vận hành (xả lũ/tăng lưu lượng xả/xả lũ khẩn cấp/dừng, giảm phát điện):
3. Thời điểm bắt đầu vận hành: ... giờ ... phút, ngày tháng năm....
4. Số cửa xả/hình thức xả (xả mặt, xả đáy, qua nhà máy):
5. Lưu lượng xả hiện tại: m³/s; lưu lượng xả dự kiến: m³/s.
6. Mức nước hồ (thượng lưu): m; mức nước hạ lưu: m; lưu lượng đến hồ: m³/s.
7. Dự kiến thời gian và mức nước lũ về công trình bậc dưới/vùng hạ du:
8. Cảnh báo, khuyến nghị ứng phó đối với vùng hạ du:
9. Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, số điện thoại trực):

Nơi nhận:
 - Như trên;
 - Lưu: ...

CHỦ ĐẬP/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO THÔNG TIN VẬN HÀNH ĐẬP, HỒ CHỨA

Công trình/hồ chứa: Sông, suối:

Chủ đập/đơn vị quản lý vận hành:

Kỳ báo cáo: ngày tháng năm (hoặc từ giờ đến giờ ngày)

TT	Thời điểm (giờ, ngày)	Mức nước thượng lưu (m)	Mức nước hạ lưu (m)	Lưu lượng đến hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả qua tràn (m ³ /s)	Lưu lượng xả qua NM (m ³ /s)	Cửa van / Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							

Ghi chú: Số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình an toàn công trình (nếu có):

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

NGƯỜI LẬP BIỂU / ĐẦU MỐI TRỰC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

BÁO CÁO NHANH SỰ CỐ, TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP
CHỦ ĐẠP/ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN HÀNH (.....) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:/BC-..... *....., ngày ... tháng ... năm*

BÁO CÁO NHANH**Về sự cố/tình huống khẩn cấp tại hồ chứa**

Kính gửi: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; UBND xã/phường vùng hạ du; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; chủ đập bậc dưới liên kề.

1. Tên công trình/hồ chứa; sông, suối:
2. Thời điểm phát hiện: giờ ngày tháng năm
3. Loại sự cố/tình huống (nứt, thấm, sạt trượt, hư hỏng cửa van, nguy cơ vỡ đập, mưa lũ vượt tần suất...):
4. Vị trí, phạm vi, mức độ sự cố:
5. Diễn biến và nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình, vùng hạ du:
6. Biện pháp đã và đang triển khai ứng phó:
7. Đề nghị hỗ trợ, phối hợp:
8. Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, số điện thoại trực):
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

CHỦ ĐẠP/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*Mẫu số 04***DANH SÁCH ĐẦU MỐI LIÊN LẠC, TRỰC BAN 24/24 GIỜ TRONG MÙA LŨ**

Đơn vị lập: Mùa lũ năm:

TT	Tên công trình/hồ chứa	Chủ đập/đơn vị QLVH	Họ tên đầu mối	Chức vụ	Số điện thoại
1					
2					
3					
4					
5					
6					

Ghi chú: Bổ sung cột thư điện tử (email) và ghi chú nếu cần; danh sách được cập nhật, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh và các chủ đập trong cùng cụm bậc thang trước ngày 15 tháng 5 hằng năm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*